

Bản án số: 185/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 5 - 2020.
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Sơn Hùng
2. Ông Nguyễn Ngọc Bờ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 696/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trung G, sinh năm 1976, nơi cư trú: tổ 14, ấp BH, xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang. SĐT: 0982.097.990. có mặt

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1978, nơi cư trú: tổ 14, ấp BH, xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang. SĐT: 0963.809.652. vắng mặt

Ông G có mặt tại phiên tòa. Bà H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 11 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Trung G trình bày:

Ông và bà H do tự quen biết tìm hiểu một thời gian thì ông bà tự nguyện kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Long. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bà H gây nợ nần nhưng ông không hay biết, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Ông bà ly thân từ năm 2017 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông bà có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Ngọc Diễm My, sinh ngày 26/9/2004 và Nguyễn Trung Tín, sinh ngày 02/01/2014, hiện cháu My đang sống

cùng ông, cháu Tín sống cùng bà H, khi ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu My, giao cháu Tín cho bà H nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật nhưng bà không gửi văn bản tự khai và không tham gia tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến của bà.

Tại phiên tòa:

Ông G vẫn giữ yêu cầu khởi kiện ly hôn với bà H, yêu cầu được nuôi dưỡng cháu My, giao cháu Tín cho bà H, không cấp dưỡng nuôi con chung; Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông G, cho ông G được ly hôn với bà H. Giao cháu My cho ông G nuôi dưỡng, cháu Tín cho bà H nuôi dưỡng, ông bà không cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Ông G khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà H, địa chỉ cư trú của bà H là tại ấp BH, xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng bà vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Ông G và bà H tự nguyện kết hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/3/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên được pháp luật Việt Nam công nhận hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Nay cuộc sống hôn nhân phát sinh mâu thuẫn do bà H gây nợ nần không cho ông biết nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông G yêu cầu được ly hôn với bà H.

[2.2] Tòa án đã thực hiện, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà H để bà thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn tuy nhiên cho đến nay bà H vẫn vắng mặt không tham gia phiên họp, hòa

giải, xét xử và không gửi văn bản trình bày ý kiến, xem như bà tự từ bỏ quyền lợi của bản thân.

[2.3] Qua xác minh thì địa phương xác định bà H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ ấp BH, xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang. Về tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn cụ thể giữa vợ chồng ông bà như thế nào thì địa phương không rõ.

[2.4] Ông bà là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau cũng như chia sẻ, hỗ trợ nhau trong cuộc sống nhưng trên thực tế ông bà đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay không còn qua lại thăm nom, chăm sóc nhau. Nay ông G yêu cầu ly hôn do mâu thuẫn trầm trọng trong cuộc sống hôn nhân, bà H tuy ký nhận trực tiếp các văn bản tổng đạt nhưng bà vẫn vắng mặt trong thời gian giải quyết vụ án, không có thể hiện thiện chí muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình, không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của ông G. Như vậy cho thấy cuộc sống chung của ông bà không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai do đó yêu cầu ly hôn của ông G với bà H là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về con chung: Ông bà có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Ngọc Diễm My, sinh ngày 26/9/2004 và Nguyễn Trung Tín, sinh ngày 02/01/2014. Hiện cháu My đang sống cùng ông G, cháu Tín sống cùng bà H. Ông G yêu cầu được nuôi dưỡng cháu My, giao cháu Tín cho bà H. Thiết nghĩ để ổn định tâm lý cũng như cuộc sống sinh hoạt, học tập của hai cháu đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu My do đó Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu My cho ông G tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Tín cho bà H được tiếp tục nuôi dưỡng. Do ông không có yêu cầu nên bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông bà và gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[2.6] Về tài sản chung, nợ chung: Ông G trình bày không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Tuy nhiên sau khi bản án được ban hành nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông bà trong thời kỳ hôn nhân thì ông bà phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[2.7] Về án phí: ông G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trung G.

- Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Trung G được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 08 tháng 3 năm 2004 của Ủy ban nhân dân xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Trung G và bà Nguyễn Thị Thu H không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông bà có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Ngọc Diễm My, sinh ngày 26/9/2004 và Nguyễn Trung Tín, sinh ngày 02/01/2014. Giao cháu My cho ông G được tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Tín cho bà H được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông bà không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông bà và gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Ông Nguyễn Trung G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà ông G đã nộp theo biên lai thu số 0006024 ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

- Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Trung G có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Thu H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu; hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Hường